

TÒA ÁN NHÂN DÂN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TỈNH VĨNH LONG****Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 86/2020/HS-PT

Ngày: 23/9/2020

NHÂN DANH**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG****- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Đăng***Các Thẩm phán:*Ông **Lê Thành Tân**Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên****- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Phước Thành** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hồng Châu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 102/2020/TLPT-HS, ngày 20 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo *Nguyễn Thị Tú T1, Nguyễn Nhuận Đ, Lê Thị Tuyết T2 (Bé Đồi), Nguyễn Hữu T3 (Tý), Trương Thị T4, Phan Thị Mỹ L* do có kháng cáo

của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2020/HS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Tú T1, sinh năm 1982 tại BM, Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ 4, ấp MK, xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Lập và bà Nguyễn Thị Hồng; chồng Nguyễn Ngọc Đ và có 01 người con sinh năm 2014; anh, chị, em ruột có tất cả 06 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/5/2019 đến ngày 22/5/2019 được cho tại ngoại và bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Nhuận Đ, sinh năm 1988 tại CG, Tiền G; Nơi cư trú: Ấp BK xã Bình Phục Nhứt, huyện CG, tỉnh Tiền G; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí D và bà Nguyễn Thị P; vợ Lê Thị Tuyết T (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2015; anh, chị, em ruột có tất cả 02 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/5/2019 đến ngày 22/5/2019 được cho tại ngoại và bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thị Tuyết T2 (Bé Đồi), sinh năm 1984 tại BM, Vĩnh Long; Nơi cư trú: phường Cái Vồn, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn U' và bà Trình Thị Tuyết T; chồng Vương Duy P và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm: 2009); anh, chị, em ruột có tất cả 02 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/5/2019 đến ngày 22/5/2019 được cho tại ngoại và bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hữu T3 (Tý), sinh năm 1984 tại BM, Vĩnh Long; Nơi cư trú: Ấp MK, xã M H, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Hồng D; vợ Nguyễn Thị T5 và có 04 người con (lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm: 2017); anh, chị, em ruột có tất cả 04 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/5/2019 đến ngày 22/5/2019 được cho tại ngoại và bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Trương Thị T4, sinh năm 1976 tại BM, Vĩnh Long; Nơi cư trú: Ấp M K, xã MH, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 01/1; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn M (Chết) và bà Đinh Thị C (Chết); chồng Lưu Văn M (đã ly hôn) và có 04 người con; anh, chị, em ruột có tất cả 04 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/5/2019 đến ngày 22/5/2019 được cho tại ngoại và bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1980 tại BM, Vĩnh Long; Nơi cư trú: Tổ 2, khóm 4, phường CV, thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hoá: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Ngọc B và bà Nguyễn Thị T; chồng Trần Văn L và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm: 2015); anh, chị, em ruột có tất cả 03 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/5/2019 đến ngày 22/5/2019 được cho tại ngoại và bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 5/2019, Nguyễn Thị Tú T1 đến phần đất của ông Nguyễn Thành P ở tổ 4, ấp MK, xã MH, thị xã BM, Vĩnh Long nằm ở phía sau nhà anh Nguyễn Trường G (nhà do anh G đứng tên chủ hộ và anh G sống chung với cha ruột là Nguyễn Thành N) sử dụng tấm đệm cao su (che lều và trải dưới đất) chuẩn bị bộ bài tây, chiếu, ghế ngồi và bóng đèn, rồi T1 hỏi N câu bóng đèn vào

đường dây điện từ nhà N ra sông bài để thấp sáng đèn phục vụ cho những người đến tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền vào ban đêm. Để tránh bị Công an phát hiện và để những người đến tham gia chơi đánh bài được yên tâm thì T1 có thuê Trương Văn P canh đường (cảnh giới) tại khu vực đầu đường vào sông bài do Tú T1 tổ chức. Đến khoảng 22 giờ 15 phút, ngày 12/5/2019 trong lúc T1 đang tổ chức cho: Nguyễn Nhuận Đ, Lê Thị Tuyết T2, Nguyễn Hữu T3, Trương Thị T4, Phan Thị Mỹ L, Nguyễn Thị H, Lê Thị Huỳnh N1, Trần Thị N2 chơi đánh bài binh ăn độ 06 lá ăn thua bằng tiền để lấy tiền xâu, thì bị lực lượng Công an đến bắt quả tang cùng với những người đang có mặt ở sông bài gồm: Lê Thị Tuyết A, Nguyễn Thị Mộng T6 và Trình Thị Tuyết T1. Ngoài ra, còn có một số đối tượng khác tham gia chơi nhưng đã chạy thoát (không xác định được họ, tên địa chỉ).

Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm:

- 48 lá bài tây;
- Số tiền là 6.300.000 đồng;
- 08 cái ghế nhựa;
- 01 chiếc chiếu;
- 01 tấm đệm cao su (màu trắng) lót phía dưới và 01 tấm đệm cao su (màu xanh cam) che phía trên;
- 01 bóng đèn điện;

Kiểm tra trong người của các đối tượng bị bắt tại sông bài thu giữ được là:

- Thu của Nguyễn Thị Tú T1: 2.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO f9.

- Thu của Nguyễn Nhuận Đ: 10.200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung A5 và 01 điện thoại di động hiệu Viettel.

- Thu của Lê Thị Tuyết T2: 2.100.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

- Thu của Nguyễn Hữu T3: 40.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

- Thu của Trương Thị T4: 6.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vivo.

- Thu của Trần Thị N2: 01 điện thoại di động hiệu Masstel.

- Thu của Lê Thị Tuyết A: 5.150.000 đồng.

- Thu của Nguyễn Thị Mộng T6: 2.800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

- Thu của Phan Thị Mỹ L: 2.100.000 đồng.

- Thu của Trình Thị Tuyết T1: 5.860.000 đồng.

- Thu của Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động hiệu Samsung.

- Thu của Lê Thị Huỳnh N1: 570.000 đồng.

Kiểm tra xung quanh sòng bài Công an còn thu giữ: 01 chiếc xe mô tô biển số: 64H1 - 010.60; 01 chiếc xe mô tô biển số: 64H1 - 111.43; 01 chiếc xe mô tô biển số: 61L5 - 8142 và 22 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra còn thu giữ: 01 đoạn dây điện màu đen dài 24 mét (có 01 đầu đoạn dây được gắn chui ghim điện) do anh Nguyễn Trường G giao nộp.

Qua quá trình điều tra: Các bị cáo Đ, T2, T3, T4, L, H, N1 và N2 đã thừa nhận vào ngày 12/5/2019 có đến sông bài do Tú T1 tổ chức trên phần đất của ông P để tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Những người này chơi đánh bài binh ẩn độ 06 lá, một tụ làm cái chia bài (xoay vòng) để ăn thua với các tụ đặt tiền, còn những người bên ngoài thì bắt ăn ké theo các tụ đặt để ăn thua với nhau. Sông bài này có 08 tụ (trong đó có 01 tụ làm cái và 07 tụ đặt tiền, những người bên ngoài thì ăn ké theo tụ đặt tiền), mỗi tụ làm cái không quá 03 bàn, mức độ ăn thua của mỗi tụ là từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng.

Còn P cũng thừa nhận có tham gia canh đường cho sông bài do Tú T1 tổ chức được khoảng 13 ngày (tính luôn ngày bị bắt quả tang), mỗi ngày Tú T1 trả cho P khoảng 200.000 đồng. Trong thời gian P canh đường cho sông bài của Tú T1 thì P thu lợi được khoảng 2.400.000 đồng. Vào ngày 12/5/2019, P bắt đầu canh đường cho sông bài của Tú T1 là khoảng 16 giờ, nhiệm vụ của P là đi xung quanh khu vực trước đường vô sông bài ở đường đál cặp mé sông. Khi thấy có Công an hoặc nghi vấn gì phía trước thì P điện thoại báo cho Tú T1 hay để giải tán sông bài. P canh đường cho sông bài của Tú T1 vào ngày 12/5/2019 đến khi Công an đến bắt quả tang thì Tú T1 chưa trả tiền công cho P.

Đối với N, việc Tú T1 đến khu đất của ông P để tổ chức chơi đánh bài ăn thua bằng tiền thì Tú T1 có hỏi N câu điện nhờ từ nhà anh G để gắn bóng đèn thấp sáng phục vụ cho việc đánh bạc vào ban đêm. Sau mỗi lần tổ chức chơi đánh bạc vào ban đêm thì Tú T1 đều có cho tiền ông N. Tính đến thời điểm bị bắt quả tang thì N cho Tú T1 câu điện nhờ được khoảng 07 ngày và Tú T1 đã trả tiền N được 06 lần với số tiền là 600.000 đồng (còn ngày bị bắt Tú T1 chưa trả tiền N).

Bị cáo Nguyễn Thị Tú T1 khai nhận: Đã tổ chức sông bài cho những người đến tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền được khoảng 15 ngày (tính luôn ngày bị bắt quả tang). Địa điểm tổ chức có 02 địa điểm: 01 địa điểm ở gốc me, phần đất của ông Nguyễn Hữu Cân (ở phía sau nhà của Nguyễn Bá Thảo) thuộc ấp MK, xã MH,

thị xã BM, Vĩnh Long thì Tú T1 tổ chức chơi được khoảng 04 ngày. Sau đó, Tú T1 chuyển địa điểm tổ chức sang phần đất của ông P chơi được khoảng 11 ngày thì bị Công an bắt quả tang. Trong thời gian Tú T1 tổ chức sòng bài và thu tiền xâu của những người tham gia chơi đánh bạc thì Tú T1 có nhờ Trương Lê P Duy, sinh năm 2008 (là con của P) thu tiền xâu dùm được 03 lần và Tú T1 cho Duy số tiền là 150.000 đồng (trong đó vào ngày 12/5/2019 Tú T1 có nhờ Duy thu tiền xâu dùm được số tiền là 450.000 đồng, Tú T1 lấy 400.000 đồng, còn lại 50.000 đồng thì Tú T1 cho Duy). Riêng ngày 12/5/2019 Tú T1 tổ chức sòng bài và thu tiền xâu được tổng số tiền là 600.000 đồng. Hình thức xâu là sau mỗi lần làm cái xong thì người làm cái xâu tiền cho Tú T1 (số tiền không cố định), có khi là 50.000 đồng; 30.000 đồng; 20.000 đồng và cũng có khi không xâu. Trong 14 ngày Tú T1 tổ chức sòng bài lấy tiền xâu thì Tú T1 thu lợi được số tiền là 8.850.000 đồng (không tính ngày bị bắt quả tang).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2020/HS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân thị xã BM, tỉnh Vĩnh Long, đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Tú T1, Trương Văn P (Phương Điện) và Nguyễn Thành N phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Nguyễn Nhuận Đ, Lê Thị Tuyết T2 (Bé Đồi), Nguyễn Hữu T3 (Tý), Trương Thị T4, Phan Thị Mỹ L, Nguyễn Thị H, Lê Thị Huỳnh N1 và Trần Thị N2 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

Xử phạt: Nguyễn Thị Tú T1 01 (Một) năm tù . Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 12/5/2019 đến ngày 22/5/2019.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

Xử phạt: Trương Văn P (P Điện) 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/5/2020.

Xử phạt: Nguyễn Thành N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/5/2020.

Giao bị cáo P và bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hoà giám sát, giáo dục trong thời thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định pháp luật về thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

Xử phạt: Nguyễn Nhuận Đ 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/5/2019 đến ngày 22/5/2019.

Xử phạt: Lê Thị Tuyết T2 (Bé Đồi) 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/5/2019 đến ngày 22/5/2019.

Xử phạt: Nguyễn Hữu T3 (Tý) 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/5/2019 đến ngày 22/5/2019.

Xử phạt: Trương Thị T4 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/5/2019 đến ngày 22/5/2019.

Xử phạt: Phan Thị Mỹ L 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/5/2019 đến ngày 22/5/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

Xử phạt: Nguyễn Thị H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/5/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Đông Thuận nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Huỳnh N1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/5/2020.

Giao bị cáo Lê Thị Huỳnh N1 cho Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hoà nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*)

Xử phạt: Trần Thị N2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 27/5/2020.

Giao bị cáo Trần Thị N2 cho Ủy ban nhân dân phường Cái Vồn nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 03/6/2020, bị cáo Nguyễn Thị Tú T1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 03/6/2020, bị cáo Phan Thị Mỹ L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/6/2020, bị cáo Nguyễn Nhuận Đ có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 09/6/2020, bị cáo Lê Thị Tuyết T2 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 09/6/2020, bị cáo Nguyễn Hữu T3 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 09/6/2020, bị cáo Trương Thị T4 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa, các bị cáo T1, L, Đ, T2, T3, T4 đã thừa nhận án sơ thẩm đã xét xử đúng hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đã không cung cấp được tình

tiết giảm nhẹ nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo T1 01 năm tù về tội “tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo L 06 tháng tù về tội “đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo T3 06 tháng tù về tội “đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo T2 06 tháng tù về tội “đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo T4 06 tháng tù về tội “đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Đ 06 tháng tù về tội “đánh bạc”.

Tại phiên tòa Phúc thẩm:

Bị cáo T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là xin hưởng án treo.

Bị cáo L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là xin hưởng án treo.

Bị cáo T3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là xin hưởng án treo.

Bị cáo T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là xin hưởng án treo.

Bị cáo T4 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là xin hưởng án treo.

Bị cáo Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là xin hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T1: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo L: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T2: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T3: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo T4: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đ: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận án sơ thẩm xử phạt bị cáo là đúng hành vi của bị cáo đã thực hiện, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, vật chứng cùng các chứng cứ khác được thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án. Qua đó xác định ngày 12/5/2019 bị cáo T1 tổ chức đánh bạc và lấy xâu, còn các bị cáo L, T3, T2, T4 và Đ đánh bài ăn thua bằng tiền thì bị bắt quả tang, án sơ thẩm xử phạt bị cáo T1 về tội tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự và xử phạt các bị cáo L, T3, T2, T4 và Đ về tội đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa Phúc thẩm các bị cáo T1, L, T3, T2, T4 và Đ không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo và chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên.

[3] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự Phức thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Tú T1, Nguyễn Nhuận Đ, Lê Thị Tuyết T2, Nguyễn Hữu T3, Trương Thị T4 và Phan Thị Mỹ L.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tú T1 01 (một) năm tù về tội “tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhuận Đ 06 (sáu) tháng tù về tội “đánh bạc”.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Tuyết T2 (Bé Đồi) 06 (sáu) tháng tù về tội “đánh bạc”.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T3 (Tý) 06 (sáu) tháng tù về tội “đánh bạc”.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T4 06 (sáu) tháng tù về tội “đánh bạc”.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Mỹ L 06 (sáu) tháng tù về tội “đánh bạc”.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí án phí hình sự Phức thẩm.

3. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phức thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND +VKSND TXBM:
02;
- CQTHADS TXBM : 01;
- CQTHAHS TXBM : 01;
- Trại giam: TXBM : 01;
- P HỒ SƠ-CAVL: 01;
- STP: 01;
- UBND nơi cư trú các bc: 06;
- TNV+P KTNV:02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đăng

